

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/3/2024
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**
2. Ông **TRẦN VĂN NHU**
- *Thư ký phiên Tòa:* Ông **HỨA QUỐC THÁI** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 780/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **HUỲNH THỊ T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp MTA, xã HMT, huyện CB, tỉnh TG.

*Bi đơn: Anh **TRẦN VĂN T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp MTA, xã HMT, huyện CB, tỉnh TG.

(Chị T có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, và lời trình bày tại phiên tòa, phía nguyên đơn chị Huỳnh Thị T trình bày:

Chị và anh T xác lập quan hệ vợ chồng năm 2009, có đăng ký kết hôn, sau khi cưới về sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình thường xuyên cự cãi nhau, anh T ghen tuông vô cớ, chị nhiều lần cho cơ hội nhưng anh

không sửa đổi, vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành nên đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay. Nay chị xin ly hôn anh T.

+ Về con chung : Anh chị có 03 con chung tên Trần Thị Yến N, sinh ngày 18/5/2005, Trần Thị Yến N, sinh ngày 10/02/2011 và Trần Gia B, sinh ngày 19/9/2019, cháu N đã trưởng thành. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 10/02/2011, chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi cháu Trần Gia B, sinh ngày 19/9/2019, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Tụ thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Trần Văn T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh không cung cấp ý kiến đối với vụ kiện.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh vắng mặt không lý do, căn cứ điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T xác lập quan hệ vợ chồng năm 2009, có đăng ký kết hôn, sau khi cưới về sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình thường xuyên cự cãi nhau, anh T ghen tuông vô cớ, chị nhiều lần cho cơ hội nhưng anh không sửa đổi, vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành nên đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm nên chị xin ly hôn anh T. Còn anh T vắng mặt không lý do, mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần thông báo về việc chị T xin ly hôn nhưng anh không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T, đồng thời xem như anh tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và ích lợi hợp pháp của mình. Nhận thấy tình cảm của anh, chị đã thật sự tan vỡ, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài và ly thân từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay nhưng không hàn

gắn đoàn tụ lại được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị, cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp theo điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên Trần Thị Yến N, sinh ngày 18/5/2005, Trần Thị Yến N, sinh ngày 10/02/2011 và Trần Gia B, sinh ngày 19/9/2019, cháu N đã trưởng thành. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 10/02/2011, chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi cháu Trần Gia B, sinh ngày 19/9/2019. Nhận thấy qua tham khảo ý kiến của con chung cháu N có nguyện vọng sống với chị T, còn cháu B đang sống ổn định với anh T. Do vậy, hội đồng xét xử xét thấy để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của 02 con chung và ổn định cuộc sống của 02 con chung nên giao con chung cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 10/02/2011 cho chị T nuôi dưỡng, giao con chung cháu Trần Gia B, sinh ngày 19/9/2019 cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh T không có ý kiến và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị T.

Cho chị Huỳnh Thị T được ly hôn anh Trần Văn T.

2/ Về con chung:

- Giao con chung cháu Trần Thị Yến N, sinh ngày 10/02/2011 cho chị Huỳnh Thị T nuôi dưỡng.

- Giao con chung cháu Trần Gia B, sinh ngày 19/9/2019 cho anh T nuôi dưỡng.

Chị Huỳnh Thị T và anh Trần Văn T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Huỳnh Thị T và anh Trần Văn T được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

3/ **Về án phí:**

Chị Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0014764 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như chị đã thi hành xong và không phải nộp tiếp.

Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN TRUNG TÍNH